

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG DIỆU



BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ
LỜI VĂN CHO HỌC SINH LỚP 2 THEO
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

Bộ môn (lĩnh vực): **Toán**

Cấp học: **Tiểu học**

Năm học 2022 – 2023

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: ***“Một số biện pháp dạy học giải Toán có lời văn cho học sinh lớp 2 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018”***

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Toán lớp 2.

3. Tác giả:

Họ và tên: Nguyễn Thị Huê

Giới tính : Nữ

Ngày tháng/năm sinh: 12 – 11– 1990

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên trường Tiểu học Hoàng Diệu.

Điện thoại: 0393831113

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Hoàng Diệu, Gia Lộc, Hải Dương. Điện thoại: 02203715124

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu : Trường Tiểu học Hoàng Diệu.

Địa chỉ : Xã Hoàng Diệu – Huyện Gia Lộc – Tỉnh Hải Dương

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Giáo viên phải nắm rõ chương trình môn Toán lớp 2.
- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học tập của học sinh.
- Nắm vững trình độ của học sinh lớp mình giảng dạy.
- Giáo viên phải có lòng say mê nghề nghiệp, có tính kiên trì, ham học hỏi.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2022 – 2023

8. Tôi cam kết sáng kiến là bản quyền trí tuệ, không sao chép, không vi phạm bản quyền của bất kì ai.

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ÁP
DỤNG SÁNG KIẾN**

Nguyễn Thị Huê

MỤC LỤC

MÔ TẢ SÁNG KIẾN	
1. Cơ sở lí luận của vấn đề	Trang 2
2. Thực trạng của vấn đề	Trang 2
2.1. Thực trạng của nhà trường	Trang 2
2.1.1. Thuận lợi	Trang 2
2.1.2. Khó khăn	Trang 3
2.2. Thực trạng của lớp	Trang 3
3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề.	Trang 4
3.1. Thống nhất phương pháp giáo dục với cha mẹ học sinh	Trang 4
3.2. Đối với giáo viên dạy lớp 2	Trang 5
3.3. Trang bị kĩ năng và các bước giải toán	Trang 6
3.4. Rèn kĩ năng phân biệt dạng toán	Trang 10
3.4.1. Bài toán “thêm” hoặc “bớt”	Trang 10
3.4. 2. Bài toán “Tính tổng số”	Trang 11
3.4. 3. Bài toán về “Nhiều hơn”	Trang 12
3.4. 4. Bài toán về “Ít hơn”	Trang 13
3.4. 5. Bài toán về “Tìm một đại lượng trong một tổng”	Trang 13
3.4.6. Bài toán đơn giải bằng một phép tính nhân, chia	Trang 14
3.5. Đổi mới phương pháp dạy học	Trang 15
3.6. Tăng cường kiểm tra, đánh giá học sinh	Trang 18
3.7. Thực hiện tốt lên kế hoạch dạy học cho từng tiết dạy	Trang 19
4. Kết quả áp dụng	Trang 22

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	Trang 26
1. Kết luận	Trang 26
2. Khuyến nghị	Trang 26
2.1. Đối với giáo viên	Trang 27
2.2. Đối với tổ chuyên môn	Trang 27
2.3. Đối với nhà trường và các cấp quản lý	Trang 27
2.4. Đối với phụ huynh	Trang 27
TÀI LIỆU THAM KHẢO	Trang 29

TÓM TẮT SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến :

Trong nhà trường phổ thông nói chung và nhà trường Tiểu học nói riêng, môn Toán với tư cách là một môn độc lập, nó cùng với các môn học khác góp phần đào tạo nên những con người phát triển toàn diện. Trong các môn học ở Tiểu học, cùng với môn tiếng Việt, môn Toán có vị trí quan trọng vì:

Các kiến thức kĩ năng của môn Toán ở Tiểu học có nhiều ứng dụng trong đời sống; chúng rất cần thiết cho người lao động, rất cần thiết để học các môn học khác ở Tiểu học và học tiếp môn Toán ở Trung học.

Đối với học sinh, môn Toán ở Tiểu học góp phần rất quan trọng trong việc rèn luyện các phương pháp suy nghĩ, phương pháp suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề, nó góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, linh hoạt, sáng tạo. Phát triển 3 năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Qua việc học môn Toán sẽ góp phần phát triển cho học sinh các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Từ đó bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm và tâm hồn lành mạnh, trong sáng; hứng thú đọc sách, nghiên cứu và yêu thích học Toán.

Từ yêu cầu cần đạt của chương trình môn Toán lớp 2 và đặc điểm tâm lí lứa tuổi, các em học sinh bộc lộ khá nhiều thiếu sót. Đặc biệt là dạng bài giải toán có lời văn. Các em thường vội vàng, chưa đọc, hiểu kĩ đề bài đã vội làm bài giải, dẫn đến kết quả chưa đúng với yêu cầu. Với học sinh lớp 2, việc phải trải qua các bước để giải một bài toán có lời văn là khá khó. Bởi vậy, làm thế nào để học sinh hiểu đề toán, nêu được tóm tắt và viết được lời giải, phép tính đúng, trình bày rõ ràng, khoa học là vấn đề được chúng tôi trao đổi, thảo luận trong những

buổi sinh hoạt chuyên môn. Qua kinh nghiệm của bản thân và trao đổi với bạn bè, đồng nghiệp, tôi mạnh dạn đưa ra giải pháp: ***“Một số biện pháp dạy học giải Toán có lời văn cho học sinh lớp 2 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018”***.

2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến :

2.1. Cơ sở vật chất đầy đủ, phòng học khang trang, đủ ánh sáng và các phương tiện đồ dùng dạy học.

2.2. Thời gian: 35 tuần học/ năm

2.3. Đối tượng: Giáo viên và học sinh lớp 2.

3. Nội dung sáng kiến:

- Sáng kiến của tôi trình bày về biện pháp rèn kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2 nói riêng và nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở cấp Tiểu học nói chung.

- Giúp học sinh phát triển các kỹ năng giải toán có lời văn ở lớp 2 thành thạo và vận dụng được các phép tính vào giải toán có lời văn và kỹ năng tính toán trong cuộc sống hằng ngày. Qua đó bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm và tâm hồn lành mạnh, trong sáng; hứng thú đọc sách, nghiên cứu và yêu thích học Toán.

4. Kết quả:

Nhờ áp dụng, kết hợp những biện pháp trên trong giảng dạy tôi đã thu được những kết quả khả quan trong việc dạy “giải toán có lời văn” nói riêng và chất lượng giảng dạy môn toán nói chung. Vì giải toán là một dạng khó trong toán học, nếu các em có nền tảng, chắc chắn sẽ giải tốt các bài toán khó hơn ở lớp trên.

Những lỗi hay gặp ở các em như: câu trả lời còn từ đề hỏi, viết phép tính sai, nhầm đơn vị... giờ không còn nữa. Các em trình bày bài đúng quy định, sạch sẽ, rõ ràng, khoa học.

5. Đề xuất, khuyến nghị:

5.1. Đối với giáo viên:

- Cần nắm chắc nội dung dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Giáo viên Tiểu học cần phấn đấu đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn để đáp ứng yêu cầu dạy học.
- Mỗi giáo viên phải có lòng say mê nghề nghiệp không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Trong quá trình dạy học sinh giải toán có lời văn, giáo viên cần chú ý đến việc hướng dẫn học sinh viết lời giải sao cho xuôi chiều, xúc tích.
- Giáo viên chú ý rèn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, luyện kỹ năng trình bày để tăng thêm vốn từ phục vụ cho việc viết lời giải cho hay.
- Phải theo sát các em qua từng tiết học để kịp thời nắm bắt và sửa chữa lỗi sai cho các em, tránh để sai sót dồn lâu, rất khó khắc phục.
- Người giáo viên cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học mới để áp dụng vào giảng dạy. Và không quên động viên, khích lệ, tạo hứng thú cho các em trong học tập.

5.2. Đối với tổ chuyên môn:

- Cần thường xuyên tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp, nghiên cứu bài học.
- Tạo cơ hội để giáo viên được trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp đặc biệt là các đồng nghiệp đi trước.

5.3. Đối với nhà trường và các cấp quản lý:

- Tổ chức tốt các đợt chuyên đề, hội thảo, giao lưu giáo viên giỏi.
- Tạo điều kiện cho giáo viên được đi học nâng chuẩn.
- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học, nhất là thiết bị dạy học để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5.4. Đối với phụ huynh:

Cùng hợp tác với giáo viên trong việc giáo dục con em mình. Trang bị đầy đủ sách, vở và đồ dùng học tập cho học sinh.

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

1. Cơ sở lí luận của vấn đề:

Bài toán có lời văn chính là những bài toán có nội dung gắn với thực tiễn, được diễn đạt bằng những câu văn nêu lên mối quan hệ, tương quan, phụ thuộc giữa các yếu tố gắn với cuộc sống thường ngày. Cái khó khiến các em lúng túng khi giải bài toán có lời văn là những yếu tố, bản chất bài toán thường ẩn trong câu chữ, lời dẫn, câu hỏi của bài toán. Mà nhiệm vụ của các em phải tìm ra các yếu tố đó để tìm lời giải, phép tính thích hợp.

Như đã biết, theo chương trình giáo dục hiện nay, ngay từ lớp 1 học sinh đã được làm quen với bài toán có lời văn và được yêu cầu viết lời giải, phép tính. Đây là những viên gạch đầu tiên nên phải xây cho chắc. Nếu các em hiểu và biết cách giải toán ngay từ các lớp đầu cấp – lớp 1, 2 thì lên các lớp trên sẽ dễ dàng tiếp thu, luyện tập để có hành trang kiến thức vững vàng.

Hơn nữa, bậc tiểu học là bậc đầu tiên của hệ thống giáo dục thuộc nền văn minh nhà trường của mỗi quốc gia. Là bậc học tạo những cơ sở ban đầu rất cơ bản và bền vững cho trẻ tiếp tục học lên bậc học trên, hình thành những cơ sở ban đầu tạo ra những con người có “tài”, có “đức”. Những gì thuộc về trí thức và kỹ năng về hành vi và tình người... được định hình ở bậc Tiểu học và nó sẽ theo suốt cuộc đời mỗi em như : kỹ năng tính toán trong cuộc sống hằng ngày... Những gì được hình thành và định hình ở trẻ rất khó thay đổi, cải tạo lại. Chính vì vậy môn Toán ở trường Tiểu học có nhiệm vụ hình thành năng lực hoạt động trí tuệ rất lớn cho học sinh.

Hiện nay, trong các trường đã và đang vận dụng phương pháp dạy học đổi mới, đó là cách dạy hướng vào người học hay còn gọi là “Lấy học sinh làm trung tâm”, người thầy là người hướng dẫn chỉ đạo trong quá trình chiếm lĩnh kiến thức của học sinh, với các môn học nói chung và môn Toán nói riêng. Để vận dụng tốt được cách dạy học mới này đòi hỏi người giáo viên phải tâm huyết với nghề, phải dày công nghiên cứu tìm ra giải pháp thích hợp với đối tượng học sinh mình dạy.

Trên thực tế, qua trực tiếp giảng dạy ở khối lớp 2, tôi nhận thấy học sinh của mình khi gặp các bài toán có lời văn thường lơ mơ, lúng túng, chậm hơn so với các dạng bài tập khác. Các em luôn gặp khó khăn khi chưa biết phải viết lời giải sao cho phù hợp và viết phép tính nào để đúng với yêu cầu của bài toán. Một số em viết được lời giải nhưng lại làm phép tính không chính xác. Còn số khác, các em xác định đúng phép tính nhưng lại loay hoay không biết đặt lời giải phù hợp với đề toán. Việc giúp các em hình thành kỹ năng đặt lời giải, viết phép tính đúng là nhiệm vụ khó khăn. Mặt khác dạy học toán có lời văn là một bộ phận kiến thức toán học hoàn chỉnh cho học sinh Tiểu học. Mỗi bài toán có lời văn là một tình huống có vấn đề buộc các em phải tư duy, suy luận và phân tích tổng hợp để giải quyết vấn đề.

Là giáo viên trẻ, tôi mong muốn tìm ra những giải pháp để cải thiện và nâng cao kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2 nói riêng và áp dụng chung trong dạy học môn toán. Để từ đó, các em không ngần ngại mỗi khi gặp bài toán có lời văn, là tiền đề để giải các bài toán có lời văn phức tạp hơn ở các lớp trên. Xuất phát từ những lý do trên tôi xin mạnh dạn đề xuất giải pháp: ***“Một số biện pháp dạy học giải Toán có lời văn cho học sinh lớp 2 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018”***.

2. Thực trạng của vấn đề:

2.1. Thực trạng của nhà trường:

2.1.1. Thuận lợi:

- Các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, hội cha mẹ học sinh luôn quan tâm đến nhà trường.
- Ban giám hiệu nhà trường năng động, sáng tạo, chỉ đạo sát sao việc dạy và học của giáo viên, học sinh.
- Đội ngũ giáo viên nhà trường có trình độ, luôn nhiệt tình, trách nhiệm, say mê giảng dạy, yêu nghề, mến trẻ.
- Lớp tôi chủ nhiệm có 34 em học sinh, đa số các em ngoan, chăm học. Học sinh

phần lớn có ý thức rèn luyện, phấn đấu trong học tập.

- Cơ sở vật chất: các phòng học được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị dạy và học. 100% học sinh có đủ sách giáo khoa, đồ dùng học tập phục vụ các môn học.

2.1.2. Khó khăn:

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19 ở năm học trước nên ít nhiều độ sâu và sắc trong học tập của học sinh còn hạn chế. Học sinh chưa có nền nếp trong việc tự giác học tập, khả năng chú ý và ghi nhớ chưa cao. Chưa mạnh dạn tự tin khi trả lời câu hỏi hoặc khi chia sẻ với bạn.

- Do đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, học sinh các lớp đầu cấp còn ham chơi, độ tập trung chưa cao, nếu không có sự giám sát chặt chẽ của bố mẹ thì không tự giác học tập, thực hành.

- Trình độ học sinh trong lớp không đồng đều, còn một số em viết chữ chưa đẹp, sai chính tả nhiều, chưa biết cách trình bày bài và giữ gìn sách vở. Một số em tính toán chậm, đọc rất bé, ngọng và ấp úng.

- Một số phụ huynh có quan điểm khác nhau, lệch lạc trong việc dạy dỗ và đôn đốc con học tập.

- Một số gia đình cha mẹ đi làm ăn xa, phó mặc con cho ông bà hoặc người giúp việc chăm sóc, dạy dỗ nên không quán xuyến được việc học hành của con.

2.2. Thực trạng của lớp:

Năm học 2022 - 2023, tôi được phân công giảng dạy lớp 2D. Lớp do tôi chủ nhiệm và giảng dạy có sĩ số 34 học sinh. Trong đó, số học sinh nam: 18 em, học sinh nữ: 16 em.

- Năng lực học tập, khả năng tập trung của học sinh không đồng đều.

- Học sinh lớp 2, bước đầu các em mới được làm quen và giải toán có lời văn nên còn lúng túng trong cách giải, vốn từ, vốn hiểu biết, khả năng tư duy logic của các em còn rất hạn chế. Hơn nữa một số học sinh chưa biết cách tự học, chưa tự giác trong học tập còn phải nhắc nhở, đôn đốc. Có em có thể viết được phép tính và tính đúng kết quả của bài nhưng không thể trả lời hoặc lý

giải là tại sao các em lại có được phép tính như vậy. Một số em chưa biết tóm tắt bài toán, chưa biết phân tích đề toán để tìm ra cách giải, chưa biết trình bày bài giải một cách đầy đủ, diễn đạt còn quá vụng về, thiếu lôgic. Một số em học toán và giải toán một cách máy móc, bắt chước bài mẫu, chưa linh động, sáng tạo trong giải toán có lời văn. Học sinh còn lẫn lộn giữa giải toán có lời văn với thực phép hiện tính, chưa phân biệt được cái đã cho và cái phải tìm trong giải bài toán có lời văn.

Qua quá trình giảng dạy, tôi thấy việc đọc – hiểu đề bài với học sinh lớp 2 còn khó khăn vì kỹ năng đọc trôi chảy còn chưa tốt nên các em đọc đề, hiểu đề còn máy móc, rập khuôn, thụ động và chậm chạp.

- Bên cạnh đó, một số phụ huynh chưa thực sự hợp tác với giáo viên trong việc giáo dục, tạo thói quen học tập cho các em học sinh.

Tiến hành khảo sát kỹ năng giải toán có lời văn vào thời điểm tháng 10/2022 của 34 học sinh lớp 2D, tôi thu được kết quả như sau:

Sĩ số	Giải toán thành thạo	Giải toán chậm	Chưa biết cách giải
34 em	13 em = 38,23%	11 em = 32,35%	10 em = 29,42%

Để cải thiện thực trạng trên, giúp các em hứng thú với môn Toán hơn và nâng cao chất lượng giáo dục, tôi mạnh dạn đề xuất một số biện pháp.

3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề:

3.1. Thống nhất phương pháp giáo dục với cha mẹ học sinh:

Học sinh lớp 2 còn phụ thuộc nhiều (một số em còn phụ thuộc hoàn toàn) vào sự quan tâm, nhắc nhở, sát sao của bố mẹ, thầy cô. Các em còn mải chơi, chưa có ý thức tự giác học tập. Nhiều em chưa hiểu rõ ý nghĩa của việc học tập, học để làm gì? Vì vậy, trước tiên cần giáo dục cho các em ý thức tích cực học tập. Ý thức của con người không tự nhiên có mà đều do dạy dỗ, rèn luyện từ khi còn nhỏ tại gia đình. Muốn rèn ý thức cho các em, cần sự phối kết hợp chặt chẽ của cha mẹ các em. Là giáo viên chủ nhiệm, tôi đã thống nhất quan điểm, phương pháp giáo dục với phụ huynh ngay trong buổi họp đầu năm. Tôi thẳng thắn đưa ra chỉ tiêu phấn đấu của lớp và phân quan trọng không thể thiếu là một

vài yêu cầu cần thiết giúp hỗ trợ các em trong học tập như: mua sắm đầy đủ sách vở, đồ dùng học tập, có bọc, dán nhãn, ghi tên... Sau đó, tôi tiếp tục chia sẻ với phụ huynh cách hướng dẫn các con chuẩn bị, tự luyện tập ở nhà sao cho hiệu quả, sắp xếp thời gian hợp lý. Đặc biệt, các ông bố, bà mẹ vào buổi tối, cố gắng bớt chút thời gian (dù chỉ 30 phút hay 1 tiếng đồng hồ) để trò chuyện với con, quan tâm, nhắc nhở con học tập, hướng dẫn con xem và trả lời miệng những bài tập để chuẩn bị cho hôm sau tiếp thu bài trên lớp dễ dàng hơn. Đối với môn toán nói chung và mảng kiến thức về giải toán nói riêng, tôi nêu rõ nội dung, mục tiêu, trọng tâm và dạng bài tập quan trọng để phụ huynh nắm bắt. Ngoài ra, tôi chia sẻ với phụ huynh cách hướng dẫn cho các em nêu miệng đề toán, tóm tắt bài toán cho gọn, dễ hiểu, luyện nói câu lời giải, nêu phép tính, ... Trả lời miệng nhiều các em sẽ dần hình thành kỹ năng nhanh nhạy hơn khi giải toán có lời văn. Rất đáng mừng là những chia sẻ, trao đổi, yêu cầu tôi nêu ra được đa số phụ huynh trong lớp tán thành, hưởng ứng, đồng tình vì từ trước tới giờ nhiều phụ huynh còn vướng mắc về phương pháp hướng dẫn con học ở nhà hay bố mẹ nói con không nghe vì bố mẹ dạy khác với cô giáo, ...

Bên cạnh những thuận lợi đó, trong buổi họp đầu năm vẫn còn một số phụ huynh không đi họp cho con do bận việc, phần lớn các phụ huynh đó phó mặc con cho cô giáo và nhà trường, ít quan tâm con học ra sao? Hoặc có thì mỗi tối chỉ biết nhắc con vào bàn học, còn con có học hay làm gì thì phụ huynh không biết. Với những phụ huynh vắng mặt, tôi đã hẹn gặp vào cuối giờ ngày hôm sau để trao đổi riêng. Và đối với những em này, tôi phải dành thời gian trên lớp hướng dẫn nhiều hơn để về nhà các em có thể tự học. Những em không có sách hay vở bài tập, nếu không mua được, tôi cho phép các em photo lại sách của bạn để làm vì không có sách vở, các em sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hành. Đặc biệt với một số em kỹ năng đọc, viết còn chưa thạo như: Gia Long, Văn Phúc, Thế Thiện,...

3.2. Đối với giáo viên dạy lớp 2:

- Để giảng dạy tốt môn Toán lớp 2 nói chung và giảng dạy phần "Giải bài toán có lời văn" nói riêng, việc đầu tiên mỗi giáo viên phải nắm thật chắc nội

dung chương trình, sách giáo khoa.

- Luôn học hỏi kinh nghiệm ở đồng nghiệp, có đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình.
- Lựa chọn câu hỏi sao cho gần gũi với lời giải, học sinh chỉ cần thay đổi chút ít về từ để được câu lời giải thích hợp.
- Gợi mở bằng cách cài "cốt câu" lời giải vào tóm tắt để học sinh có thể dựa vào tóm tắt mà viết câu lời giải.
- Khuyến khích học sinh tìm ra cách nêu câu lời giải khác nhau cho lời giải.

Ví dụ: Em hái được 18 bông hoa, chị hái được nhiều hơn em 5 bông hoa. Hỏi chị hái được bao nhiêu bông hoa?

Học sinh có thể đặt lời giải theo rất nhiều cách như:

+ Chị hái được số bông hoa là:

+ Số bông hoa chị hái được là:

3.3. Trang bị kĩ năng và các bước giải toán:

Trước khi giải toán tốt, các em cần được rèn luyện một số kĩ năng cần thiết. Các kĩ năng này không chỉ rèn trong giờ Toán mà trong tất cả các tiết dạy, môn học. Vì các em học sinh lớp 2 phần lớn còn rụt rè, chưa mạnh dạn nêu ý kiến với tâm lí sợ sai. Nên để các em rèn kĩ năng nói, trình bày tốt thì giáo viên phải luôn luôn gần gũi, khuyến khích, động viên, luôn công nhận mọi đóng góp của các em, đúng thì hoan nghênh để các em phát huy, sai thì động viên, giảng giải để các em hiểu và rút kinh nghiệm. Có như vậy, các em mới tích cực phát biểu, trao đổi, luyện nói. Từ đó, các em được trau dồi, bổ sung thêm vốn từ ngữ. Trong các tiết học, các em có thể trả lời, nhận xét một cách tự nhiên, tự tin nhất, tác phong cũng sẽ nhanh nhẹn, hoạt bát hơn. Bên cạnh kĩ năng nói, giáo viên cũng cần chú ý đến kĩ năng đọc của học sinh. Kĩ năng đọc đúng, đọc nhanh, ngắt nghỉ đúng giúp học sinh nghe, hiểu yêu cầu của đề bài. Không chỉ đọc mà để giải toán có lời văn tốt thì cần trau dồi cả 4 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết. Những kĩ năng đó được tôi chú ý luyện tập nhiều cho các em qua các tiết Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Kĩ năng sống.

Ở năm học lớp 1, các em mới tập làm bài toán có lời văn qua các dạng bài nhìn tranh viết phép tính thích hợp, viết câu trả lời cho các bài toán đơn giản. Thời gian luyện tập của các em trên lớp không có nhiều nên đầu năm học lớp 2, các em hay lúng túng khi gặp bài toán có lời văn. Với những thiếu sót đó, tôi thường hướng dẫn các em khi giải toán cần thực hiện theo các bước và kết hợp trình bày mẫu bài giải để các em ghi nhớ, dần hình thành thói quen, kỹ năng.

*** Bước 1: Đọc kĩ và phân tích đề bài:**

Trong bước này, tôi yêu cầu học sinh đọc đi đọc lại đề bài ít nhất 3 lần, cứ mỗi lần sau thì đọc nhanh hơn lần trước. Sau khi đã đọc kĩ đề, học sinh phải nêu được dữ kiện bài toán cho và nêu được yêu cầu của bài. Đây là bước rất quan trọng để xác định hướng giải bài.

Ví dụ: Bài tập 2 (SGK toán 2 – trang 51)

Trên sân có 14 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là 5 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con vịt?

- Học sinh sẽ phải nêu:

+ Dữ kiện đề bài cho là: Trên sân có 14 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là 5 con

+ Bài tập hỏi: trên sân có bao nhiêu con vịt?

=> Học sinh xác định hướng làm: thực hiện phép tính cộng vì số vịt nhiều hơn số gà.

*** Bước 2: Tóm tắt bài toán:**

Theo tôi, khi học sinh tóm tắt được bài toán có nghĩa là các em đã hiểu bản chất của bài vì tóm tắt là phần trình bày lại nội dung bài toán một cách ngắn gọn, khoa học hơn. Tùy từng dạng bài, tôi sẽ hướng dẫn học sinh tóm tắt theo nhiều cách, so sánh và chọn ra cách tóm tắt khoa học hơn để các em hình thành tư duy logic.

Ví dụ: Bài tập 2 (SGK toán 2 – trang 80)

Con bê cân nặng 47 kg. Con nghé nặng hơn con bê 18 kg. Hỏi con nghé cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

Sau bước học sinh tìm hiểu đề bài, tôi yêu cầu học sinh nêu miệng tóm tắt bằng lời:

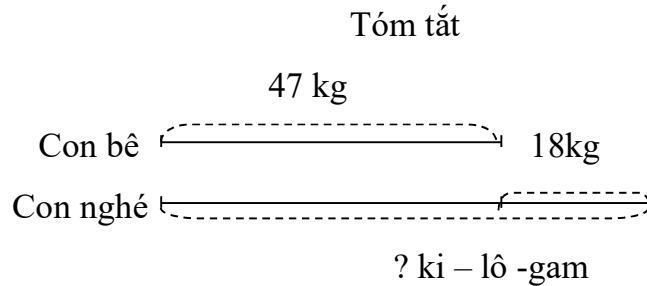
Tóm tắt

Con bê : 47 kg

Con nghé nặng hơn con bê: 18 kg

Con nghé : ... ki - lô - gam ?

Ngoài cách tóm tắt này, tôi hướng dẫn thêm với bài toán về nhiều hơn, ít hơn ta có thêm cách tóm tắt bằng sơ đồ như sau:



Tôi tiếp tục cho học sinh so sánh 2 cách tóm tắt để thấy sự thuận tiện, khoa học hơn giữa 2 cách tóm tắt. Với học sinh khá giỏi, tôi yêu cầu các em nên thành thạo cả 2 cách tóm tắt. Với học sinh yếu hơn, yêu cầu cần đạt là các em biết cách tóm tắt bài bằng lời.

Để khắc sâu cho học sinh hiểu, tôi sẽ làm mẫu sau đó gọi nhiều học sinh lên chỉ nhìn vào tóm tắt và nêu lại đề bài toán.

*** Bước 3: Tìm cách giải bài toán:**

a. Lựa chọn phép tính thích hợp:

Sau khi học sinh tìm hiểu đề toán, biết cái đã cho và cái cần tìm qua bước 1 thì học sinh dễ dàng xác định cần làm phép tính gì. Với bài toán đơn, giáo viên cần khắc sâu cho học sinh cái cần tìm nếu là số ít thì bớt đi, ta làm phép tính trừ hoặc chia, cái cần tìm là số lớn, số nhiều thì thêm vào, gấp lên, ta làm phép tính cộng, nhân.

Ví dụ: Bài tập 5 (SGK toán 2 – trang 86)

Mai cân nặng 23 kg. Mi nhẹ hơn Mai 5kg. Hỏi Mi cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

Để giải bài toán này, học sinh sẽ trả lời một số câu hỏi của giáo viên để tìm hiểu đề, mối liên hệ giữa cái đã cho và cái cần tìm. Giáo viên đưa ra câu hỏi như sau:

- + Bài toán cho biết gì? (Mai cân nặng 23 kg. Mi nhẹ hơn Mai 5kg)
- + Bài toán hỏi gì? (Mi cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam?)
- + Muốn biết Mi cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam em làm phép tính gì? (phép trừ)
- + Em hãy nêu phép tính đó ($23 - 5 = 18$)

b. Đặt lời giải cho bài toán:

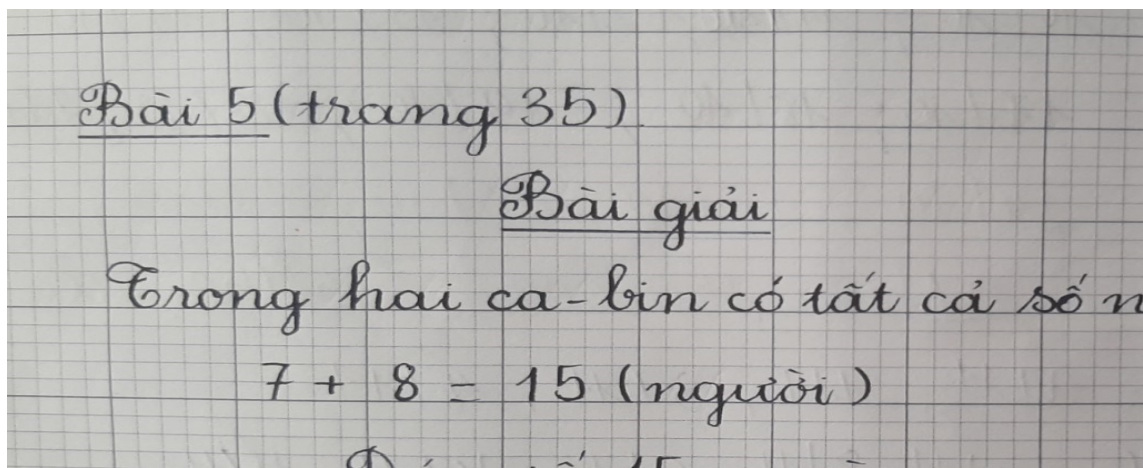
Trên thực tế, khi giảng dạy, bước đặt lời giải là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, do vốn từ của từng em mà tôi sẽ lựa chọn cách hướng dẫn sao cho phù hợp với từng đối tượng học sinh:

- Cách 1: Các em chỉ cần dựa vào câu hỏi của bài, bỏ từ “hỏi”, thay từ “mấy” hoặc “bao nhiêu” bằng từ “số” và thêm từ “là” ở sau cùng để có lời giải: “Mi cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam là:” (Cách này là phổ biến và có thể áp dụng cho mọi đối tượng học sinh)
- Cách 2: Các em đảo từ để giữ nguyên ý nghĩa của lời giải: “Số ki - lô - gam cân nặng của Mi là:”

*** Bước 4: Trình bày bài giải:**

Sau bước 3, học sinh đã gần hoàn thiện quy trình giải bài toán có lời văn và chỉ cần trình bày vào vở. Tôi đã hướng dẫn học sinh trình bày bài giải sao cho sạch sẽ, khoa học, cân đối nhất theo quy định: Lời giải (lùi 1 ô li), phép tính (lùi 2 ô li), đáp số (lùi 3 ô li). Như vậy khi trình bày bài các em chỉ cần nhớ quy tắc 1-2-3.

Ví dụ 1: Bài tập 5 (SGK toán 2 – trang 35), học sinh sẽ trình bày như sau:

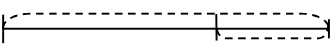


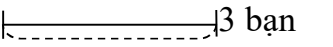
* Kết luận: Tùy thuộc vào trình độ, nhận thức của học sinh để giáo viên chọn lựa cách hướng dẫn làm bài. Ngoài ra, giáo viên có thể gợi mở để học sinh trình bày nhiều cách giải khác nhau, kích thích tư duy, sự sáng tạo của các em.

Ví dụ 2: Lớp 2A có 15 học sinh gái, số học sinh trai của lớp ít hơn số học sinh gái 3 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh trai?

Tóm tắt

15 học sinh

Học sinh gái 

Học sinh trai 

? học sinh

Bài giải

Lớp 2A có số học sinh trai là:

$$15 - 3 = 12 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 12 học sinh.

Ví dụ 3: Bao gạo to cân nặng 25kg, bao gạo bé cân nặng 10kg. Hỏi cả hai bao gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Tóm tắt

Bao gạo to : 25kg
 Bao gạo bé : 10kg
 Cả 2 bao : ... kg?

Bài giải

Cân nặng của cả hai bao gạo là:

$$25 + 10 = 35 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 35kg.

3.4. Rèn kĩ năng phân biệt dạng toán:

Ở lớp 2, các em sẽ giải các bài toán đơn bằng 1 phép tính cộng, trừ, nhân, chia. Việc giúp các em hình thành kĩ năng phân biệt rõ từng dạng toán có ý nghĩa quan trọng, để các em vững vàng hơn khi giải toán. Ngay từ đầu năm, các tiết ôn tập đã ôn giải toán có lời văn. Đây là các bài đã học ở lớp 1, dạng “thêm” hoặc “bớt”.

3.4.1. Bài toán “thêm” hoặc “bớt”:

Với dạng bài này, tôi hướng dẫn cho học sinh dấu hiệu trong đề bài có yếu tố “thêm vào” thì khắc sâu cho học sinh là, phép tính cộng. Nếu đề bài có yếu tố “bớt đi” thì khắc sâu cho học sinh làm phép tính trừ.

Ví dụ 1: An có 15 cái kẹo. Hoa cho An thêm 3 cái nữa. Hỏi An có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

Tôi yêu cầu học sinh gạch chân vào phần cho và hỏi của bài toán từ bước tìm hiểu đề. Từ đó, học sinh biết An có thêm 3 cái kẹo. Vậy các em phải làm phép tính cộng. Học sinh sẽ giải bài như sau:

Bài giải

An có tất cả số cái kẹo là:

$$15 + 3 = 18 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 18 cái kẹo

Ví dụ 2: Một sợi dây dài 8dm, cắt đi một đoạn dài 3 cm. Hỏi đoạn dây còn lại dài mấy xăng-ti-mét?

Với bài toán dạng này, tôi lưu ý cho học sinh, “cắt, cho, bán, ...” đều là “bớt đi”, bài toán hỏi phần còn lại, ta làm phép tính trừ.

Bài giải

Đoạn dây còn lại dài là:

$$8 - 3 = 5 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 5 cm

* Lưu ý: Thay vì viết lời giải là “Đoạn dây còn lại dài số xăng-ti-mét là”, học sinh sẽ viết “Đoạn dây còn lại dài là”. Khi bài toán cho số liệu liên quan đến đơn vị đo độ dài, các em cần chú ý xem các số liệu đó đã cùng đơn vị đo chưa. Nếu đơn vị đo khác nhau, các em phải thực hiện thêm bước đổi đơn vị.

3.4.2. Bài toán “Tính tổng số”:

Dạng bài tính tổng thường cho sẵn các dữ kiện, sau đó câu hỏi yêu cầu là “Hỏi tất cả...” hoặc “hỏi cả hai...”. Dựa vào dấu hiệu này, học sinh đọc kĩ đề bài sẽ dễ dàng phát hiện ra và làm phép tính cộng để giải bài.

Ví dụ 1: Bài tập 4 (SGK toán 2 – trang 77)

Ngày thứ nhất, Mai làm được 29 tấm bưu thiếp. ngày thứ hai, mai làm được 31 tấm bưu thiếp. Hỏi cả hai ngày Mai làm được bao nhiêu tấm bưu thiếp?

Bài giải

Cả hai ngày Mai làm được số tấm bưu thiếp là:

$$29 + 31 = 60 \text{ (tấm)}$$

Đáp số: 60 tấm bưu thiếp

Ví dụ 2:

Một lớp học có 14 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Hỏi lớp học đó có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài giải

Lớp học đó có tất cả số học sinh là:

$$14 + 16 = 30 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 30 học sinh.

3.4.3. Bài toán về “Nhiều hơn”:

Đây là dạng toán quan trọng trong chương trình toán lớp 2. Ở dạng toán này, học sinh dựa vào dấu hiệu, trong 2 đại lượng có 1 đại lượng nhiều hơn. Biết đi tìm số nhiều các em sẽ làm phép tính cộng. Chú ý “cao hơn”, “nặng hơn”, “dài hơn” ... cũng là nhiều hơn.

Ví dụ 1: Bài tập 1 (SGK toán 2 – trang 50)

Trong một lớp học bơi có 9 bạn nam, số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là 2 bạn. Hỏi lớp học bơi có bao nhiêu bạn nữ?

Bài giải

Lớp học bơi có số bạn nữ là:

$$9 + 2 = 11 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 11 bạn nữ.

* Lưu ý: Một số em không đọc kĩ đề bài thường thấy có chữ “nhiều hơn” sẽ làm luôn phép tính cộng. Nhưng thực tế có một số bài tập có dữ kiện “nhiều hơn” lại làm phép tính trừ. Vì vậy, tôi khắc sâu cho học sinh dựa vào câu hỏi, nếu đại lượng cần tìm là số lớn hơn, nhiều hơn thì mới làm phép tính cộng. Nếu đại lượng cần tìm là số bé hơn, ít hơn sẽ làm phép tính trừ.

Ví dụ 2: Minh có 20 quyển vở, Minh có nhiều hơn Lan 3 quyển. Hỏi Lan có bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

Lan có số quyển vở là:

$$20 - 3 = 17 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 17 quyển vở.

3.4.4. Bài toán về “Ít hơn”:

Sau khi học dạng bài toán về nhiều hơn, học sinh tiếp tục học “Bài toán về ít hơn”. Bài toán cho 2 đại lượng, trong đó 1 đại lượng ít hơn. Vậy đi tìm đại lượng ít hơn các em sẽ làm phép tính trừ. Chú ý “thấp hơn”, “nhẹ hơn”, “ngắn hơn”, ... cũng là ít hơn.

Ví dụ 1: Đội Hai trồng được 92 cây, đội Một trồng được ít hơn đội Hai 38 cây. Hỏi đội Một trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

Đội Một trồng được số cây là:

$$92 - 38 = 54 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 54 cây.

* Lưu ý: Giống như bài toán về nhiều hơn, nhiều em thấy có chữ “ít hơn” trong đề bài sẽ lập tức đặt phép tính trừ. Vậy tôi cũng khắc sâu cho các em chỉ làm phép tính trừ khi đại lượng cần tìm là đại lượng ít hơn. Trường hợp có đủ kiện “ít hơn” mà đại lượng phải tìm lại nhiều hơn thì ta làm phép tính cộng.

Ví dụ 2: Bình có 67 viên bi. Bình có ít hơn Nam 8 viên. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

Nam có số viên bi là:

$$67 + 8 = 75 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 75 viên bi.

3.4.5. Bài toán “Tìm một đại lượng trong một tổng”:

Dạng bài này học sinh dễ nhầm lẫn với dạng tính tổng số nếu không đọc kĩ đề bài. Vậy để học sinh không mắc sai lầm, tôi yêu cầu các em phân tích kĩ đề bài thường cho tổng số của 2 đại lượng, biết một trong hai yếu tố và yêu cầu tìm đại lượng còn lại. Vậy để tìm đại lượng còn lại, các em phải làm phép tính trừ.

Ví dụ 1: Mẹ và chị hái được 85 quả cam, mẹ hái được 44 quả cam. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả cam?

Bài giải

Chị hái được số quả cam là:

$$85 - 44 = 41 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 41 quả cam.

Ví dụ 2: Mẹ mua về 26kg gạo nếp vừa gạo tẻ, trong đó có 16kg gạo tẻ. Hỏi mẹ mua về bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

Bài giải

Mẹ mua về số gạo nếp là:

$$26 - 16 = 10 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 10kg.

3.4.6. Bài toán đơn giải bằng một phép tính nhân, chia:

Ở lớp 2, bài toán này chưa được gọi thành dạng nhưng bài toán này là bước chuẩn bị để lên lớp 3 các em học tiếp dạng toán “Gấp một số lên nhiều lần” và “Giảm một số đi một số lần”. Bài toán cho 1 đại lượng, yêu cầu tìm nhiều lần của đại lượng đó. Vậy các em sẽ làm phép tính nhân.

Ví dụ 1:

Mỗi xe đạp có 2 bánh xe. Hỏi 8 xe đạp có bao nhiêu bánh xe?

Bài giải

8 xe đạp có số bánh xe là:

$$2 \times 8 = 16 \text{ (bánh xe)}$$

Đáp số: 16 bánh xe.

Bài toán cho biết nhiều lần của 1 đại lượng mà yêu cầu tìm 1 lần của đại lượng đó thì ta làm phép tính chia.

Ví dụ 2:

Có 18 lá cờ chia đều cho 2 tổ. Hỏi mỗi tổ được mấy lá cờ?

Bài giải

Mỗi tổ được số lá cờ là:

$$18 : 2 = 9 \text{ (lá cờ)}$$

Đáp số: 9 lá cờ.

** Lưu ý: Để học sinh không nhầm lẫn thứ tự trong phép tính, tôi hướng dẫn các em bài toán hỏi đơn vị nào thì lấy số liệu gắn với đơn vị đó nhân hoặc chia cho dữ kiện còn lại.*

Tuy nhiên, các em cần chú ý dạng bài toán tìm số nhóm, tổ, hàng, ...

Ví dụ 3:

Có 20 học sinh xếp thành các hàng, mỗi hàng có 2 bạn. Hỏi tất cả có mấy hàng?

Bài giải

Tất cả học sinh xếp thành số hàng là:

$$20 : 2 = 10 \text{ (hàng)}$$

Đáp số: 10 hàng.

3.5. Đổi mới phương pháp dạy học:

Lứa tuổi học sinh lớp 2, lứa tuổi nhỏ các em đang hứng thú tò mò những gì mới lạ, tạo không khí lớp học sôi nổi và kết quả học tập sẽ có hiệu quả cao. Vì vậy phương pháp dạy học đối với khối lớp này cần hết sức quan tâm, đặc biệt là môn Toán. Qua thời gian giảng dạy đổi mới phương pháp dạy học “Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh”, có thể góp phần “*phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất*” của học sinh Tiểu học, định hướng dạy học toán ở Tiểu học cần vận dụng một cách đa dạng các hình thức tổ chức với các phương pháp dạy học; chú trọng thực hành, ứng dụng, gắn kết kiến thức toán học với thực tế cuộc sống hằng ngày của các em, với các môn học khác và các hoạt động giáo dục trong hay ngoài nhà trường. Mặt khác, bản thân tôi thấy mỗi học sinh rất hứng thú khi giáo viên tạo cơ hội cho các em được trình bày ý kiến về rèn kỹ năng tự tin trình bày trước cô giáo, trước nhóm, trước lớp.

Ví dụ: Khi đặt một lời giải cho một bài toán có thể cho nhiều cá nhân tự nêu lời giải, cách giải của mình, sau đó cho học sinh khác nhận xét, bổ sung, cuối cùng cô giáo nhận xét chung chốt lại các lời giải, cách làm đúng, tuyên dương những học sinh có lời giải hay sáng tạo. Làm như vậy là kích thích được sự suy nghĩ độc lập sáng tạo của học sinh. Hơn nữa học sinh không ỷ lại bạn, buộc phải suy nghĩ để trả lời. Các em đã diễn đạt bằng lời

đúng thì khi viết các em viết sẽ đúng các lời giải.



Hình ảnh học sinh báo cáo bài làm của mình.

Bên cạnh những phương pháp dạy học trên, để vận dụng vào giải toán thì người giáo viên cần vận dụng linh hoạt một số hình thức tổ chức dạy học như:

- + Tổ chức dạy học cá nhân.
- + Tổ chức dạy học theo nhóm.
- + Tổ chức dạy học toàn lớp.
- + Tổ chức dạy học kết hợp vui chơi có liên quan đến nội dung toán học.



Hình ảnh học sinh tích cực thảo luận nhóm.

Thường xuyên áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như: Kỹ thuật khăn trải bàn, bể cá, tia chớp, lược đồ tư duy,...

Ngoài ra, với toán học không thể thiếu những trò chơi nhanh giúp tư duy của các em linh hoạt hơn, không bị áp lực, căng thẳng. Xen kẽ trong các tiết học, tôi thường lồng ghép các trò chơi trí tuệ, học tập có liên quan đến bài học để các em vừa học vừa được luyện tập.

Thường xuyên động viên, khuyến khích và giúp đỡ các em tham gia các sân chơi trí tuệ trên mạng như: Violympic, Trạng nguyên Tiếng Việt, Trạng nguyên Toàn tài, Vioedu, ... để các em có cơ hội được làm quen với nhiều dạng toán có lời văn khác nhau.



Hình ảnh học sinh tham gia sân chơi Violympic Toán trên mạng.

Đặc biệt theo đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trong mỗi giờ học các em rất thích được khen ngợi, động viên. Thi đua cá nhân, thi đua hoa điểm tốt theo tổ. Vì vậy, dù các em có tiến bộ nhỏ, tôi cũng khen thưởng, đôi khi chỉ là một tràng pháo tay cũng khiến cho các em phấn khởi hơn. Mọi ghi nhận kịp thời của giáo viên giúp các em không còn rụt rè, e ngại khi nêu ý kiến của mình. Ngoài việc truyền đạt kiến thức, giáo viên cần quan tâm, chú ý đến việc khuyến khích, động viên, tạo hứng thú cho học sinh.



Hình ảnh thi đua hoa điểm tốt của học sinh.

Mỗi tiết học giáo viên phải là người lựa chọn các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học sao cho phù hợp với từng dạng bài, làm sao giúp học sinh phát huy hết phẩm chất, năng lực của mình. Các em được suy nghĩ, chủ động tìm tòi và tự chiếm lĩnh tri thức.

3.6. Tăng cường kiểm tra, đánh giá học sinh:

Học sinh rất thích được cô khen và được cô tuyên dương trong mỗi tiết dạy. Vì vậy việc đánh giá học sinh vô cùng quan trọng nên giáo viên phải thường xuyên kiểm tra và đánh giá thì mới biết được mức độ tiếp thu kiến thức của học sinh để điều chỉnh hình thức và phương pháp cho phù hợp. Biết được sự tiến bộ của từng học sinh trong từng tiết dạy.

Hình thức đánh giá là giáo viên đánh giá bằng lời trực tiếp với từng học sinh, uốn nắn sửa cho học sinh từng chi tiết nhỏ trong bài giải. Đánh giá bằng nhận xét viết vào vở thông qua kết quả làm bài của học sinh. Ngoài ra giáo viên cần tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích để học sinh được tham gia đánh giá lẫn nhau.

Đánh giá sau mỗi bài học ở mỗi dạng bài toán nói chung và bài toán có lời văn nói riêng tôi thường ra đề kiểm tra cho học sinh làm sau đó tôi thu bài đánh giá kết quả để nắm bắt những kỹ năng học sinh còn yếu để tổ chức rèn luyện thêm.

3.7. Thực hiện tốt lên kế hoạch dạy học cho từng tiết dạy:

Trước khi lên lớp, việc quan trọng đầu tiên đối với giáo viên đó là lên kế hoạch dạy học, xác định đúng yêu cầu cần đạt của tiết dạy, lựa chọn đồ dùng dạy học phù hợp.

Tiếp theo là thực hiện các tiến trình của giờ học, lựa chọn phương pháp, hình thức linh hoạt phù hợp với yêu cầu cần đạt của bài học và phù hợp với từng điều kiện thực tế, đối tượng học sinh của lớp. Sau đây là một kế hoạch bài dạy tôi đã thực hiện và thấy có hiệu quả:

TIẾT 81: LUYỆN TẬP - ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20 (TRANG 124) – SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20.
- Vận dụng, giải các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ đã học.

*Phát triển năng lực và phẩm chất:

- Phát triển năng lực tính toán.
- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Khởi động(2 - 3')

- | | |
|---|--|
| - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát tập thể <i>Em học toán</i> . | - Học sinh hát và vận động theo bài hát <i>Em học toán</i> |
| - Hỏi: Qua bài hát các bạn đã làm toán với những phép tính gì? | - Cộng trừ |
| - Mời học sinh đọc bảng cộng 9 cộng với một số, 8 cộng với 1 số và 1 bảng trừ - Giáo viên hỏi một số phép tính sau khi học sinh đọc xong bảng | - Học sinh mỗi em đọc 1 bảng |

- Nhận xét - khen.

- Giáo viên kết nối vào bài: Luyện tập (trang 124)

2. Luyện tập (29 - 30')

Bài 1:

- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài.

- Bài yêu cầu làm gì?

- Các em hãy thêm dấu bằng và làm nhẩm bài toán theo từng cột tính.

- Giáo viên cho học sinh nêu miệng bài làm mỗi em 1 phép tính theo hình thức nối tiếp.

- Chốt: Để làm bài tập này, em vận dụng kiến thức nào?

- Yêu cầu học sinh: Em hãy nêu các phép tính có kết quả giống nhau ở bài tập 1?

- Giáo viên chốt: khi đổi chỗ các số hạng trong 1 tổng thì tổng có thay đổi không?

Để tìm nhanh kết quả của phép tính trừ $15 - 9$, $15 - 6$ em dựa vào phép tính nào? $12 - 4$ em dựa vào phép tính nào?

- Giáo viên chốt: Từ 1 phép tính cộng ta biết ngay được kết quả của phép tính trừ tương ứng.

- Nhận xét, tuyên dương học sinh.

Bài 2:

- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài.

- Bài yêu cầu làm gì?

- Giáo viên chiếu bài lên bảng và giải thích cách làm - làm mẫu $12 - 7 = 5$ vậy phép tính nào có kết quả là 5 nữa?

- Học sinh lắng nghe

- 2 -3 học sinh đọc.

- 1-2 HS trả lời.

- Học sinh thực hiện

- Học sinh nêu miệng bài mà

- Bảng cộng, bảng trừ (qua 10)

- $9 + 6 = 6 + 9$; $4 + 8 = 8 + 4$

- Học sinh nêu

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh đọc

- 1-2 học sinh trả lời.

- Học sinh lắng nghe

+ $14 - 9$

- Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện trên bảng con	
+ Hãy ghi phép tính trong bài có kết quả là 7?	- Học sinh lấy bảng con
- Giáo viên chữa và nói trên bảng	
+ Tương tự như vậy với các kết quả còn lại là 5, 11, ..	
- Giáo viên: củng cố về phép cộng, phép trừ có nhớ trong phạm vi 20	- Học sinh lắng nghe
- Nhận xét, tuyên dương.	
<i>Bài 3:</i>	
- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài.	- 2 -3 học sinh đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 học sinh trả lời.
- Giáo viên hướng dẫn cách làm	
- Giáo viên thực hiện qua trò chơi “ Ô cửa bí mật”	
- Giáo viên nêu cách chơi và luật chơi.	- Học sinh lắng nghe
? Để tìm đúng mã số của từng ô cửa, chúng ta cần thực hiện theo thứ tự nào?	- Quan sát và thực hiện theo chiều mũi tên.
- Các em hãy viết nhanh kết quả vào những ô cửa. Bạn nào làm nhanh nhất sẽ được tham gia giải ô cửa bí mật này?	- Học sinh làm bài
- Gọi học sinh nêu miệng kết quả vào bài	- Học sinh chia sẻ bài làm
- Vậy mã số ở ô cửa cuối cùng là kết quả của phép tính nào?	
- Nhận xét, đánh giá bài học sinh.	
<i>Bài 4:</i>	
- Giáo viên mời 1 - 2 học sinh đọc đề bài - cả lớp đọc thầm.	- Học sinh đọc đề
- Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trong 2 phút tìm hiểu đề.	- HS thảo luận nhóm đôi

- Giáo viên cho lớp trưởng điều hành báo cáo của các nhóm:	- Lớp trưởng điều hành
+ Bài toán cho biết gì? - Gọi bạn khác nhận xét	- Trả lời câu hỏi
+ Bài toán hỏi gì? - Gọi bạn khác nhận xét	
+ Bài toán thuộc dạng toán gì?	
+ Để tìm số học sinh học võ bạn thực hiện phép tính gì?	
+ Có bạn nào muốn tôi giúp gì không?	
- Mời các bạn giải bài vào vở - Giáo viên quan sát giúp đỡ, nhận xét bài vào vở cho học sinh.	- Học sinh giải bài
- Lớp trưởng gọi các bạn đọc bài làm - gọi bạn khác nhận xét	- Lớp trưởng chữa bài
- Giáo viên chụp bài của học sinh và chiếu lên bảng	- Học sinh theo dõi
- Giáo viên hỏi có bạn nào có lời giải khác bạn và làm khác bạn?	- Học sinh nêu
- Giáo viên khen lớp trưởng và cả lớp	
- Giáo viên chốt kĩ năng vận dụng bảng cộng có nhớ trong phạm vi 20 để giải toán thực tế có lời văn.	- Học sinh lắng nghe
3. Củng cố, dặn dò (2’)	
- Hôm nay các em học biết được điều gì?	- Học sinh trả lời
- Gọi 1 học sinh đọc bảng cộng hoặc bảng trừ?	
- Nhận xét giờ học.	- Học sinh lắng nghe

4. Kết quả áp dụng:

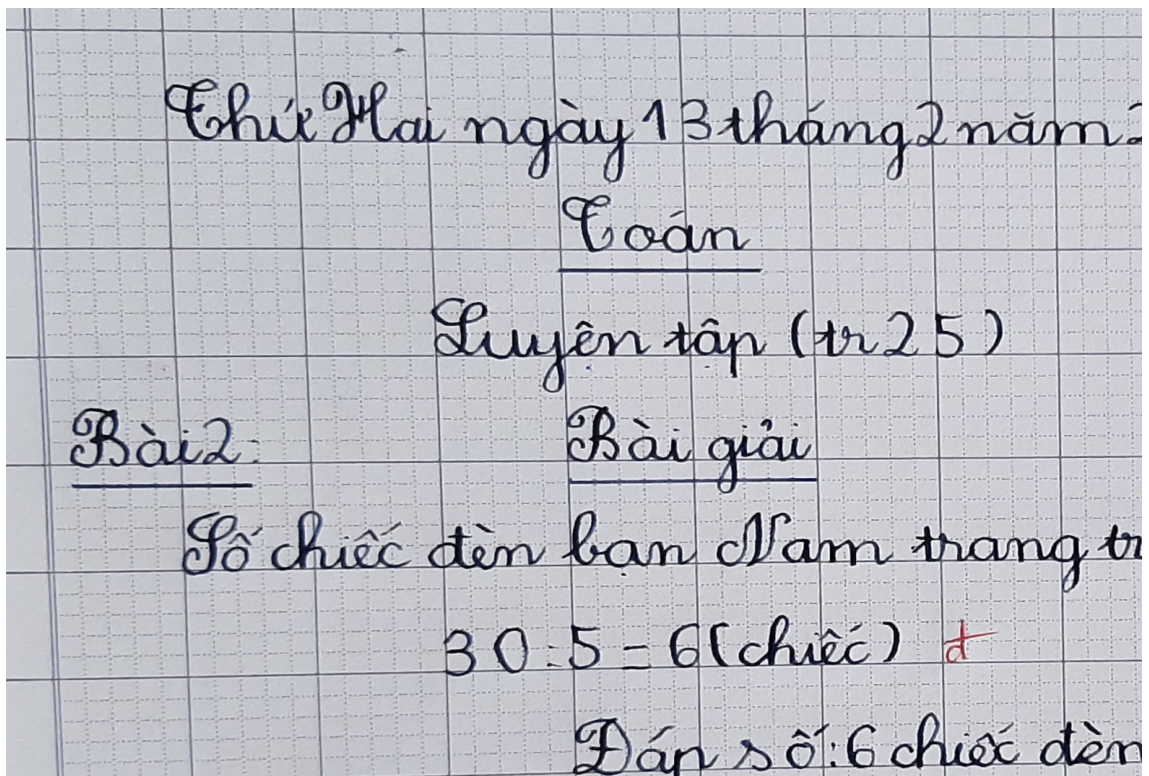
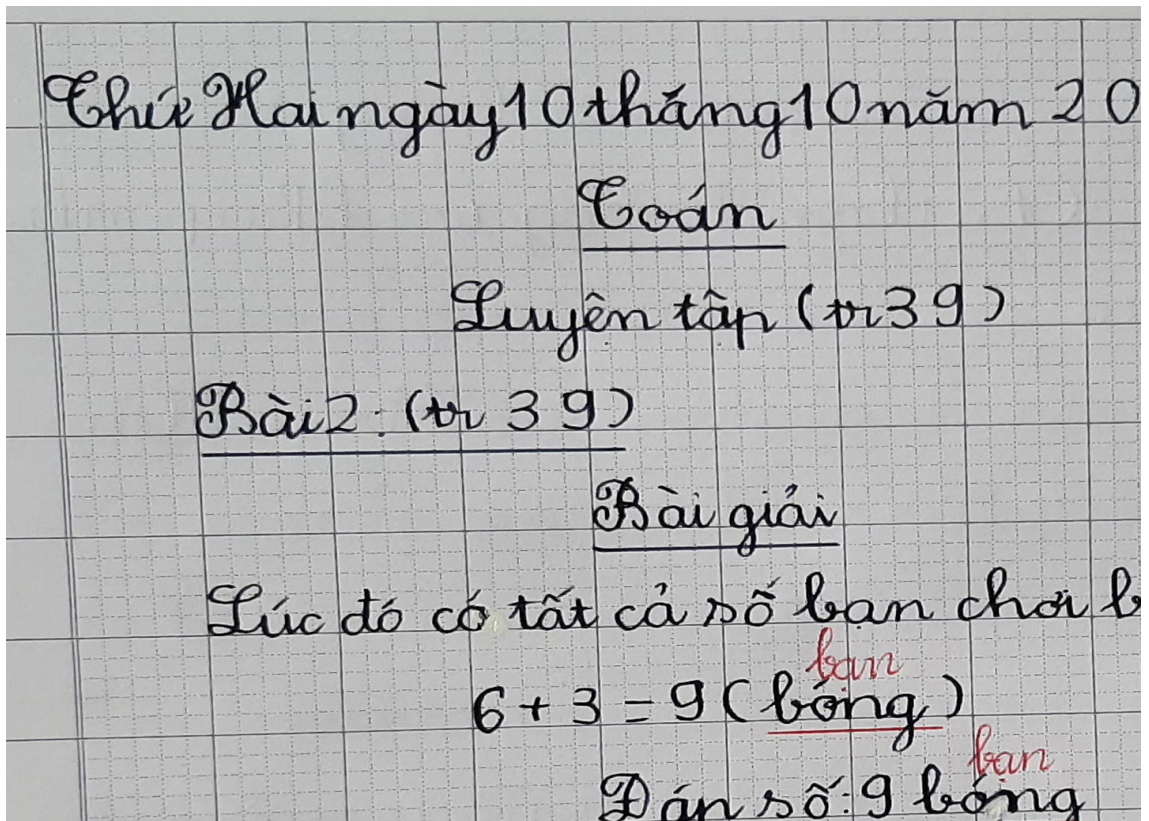
Nhờ áp dụng, kết hợp những biện pháp trên trong giảng dạy tôi đã thu được những kết quả khả quan trong việc dạy “giải toán có lời văn” nói riêng và chất lượng giảng dạy môn toán nói chung. Vì giải toán là một dạng khó trong toán học, nếu các em có nền tảng, chắc chắn sẽ giải tốt các bài toán khó hơn ở

lớp trên.

Qua những tiết dạy thực nghiệm ở chính lớp tôi chủ nhiệm, tôi nhận biết được một điều là học sinh rất hứng thú trong học tập, rèn luyện, say mê tìm tòi, nghiên cứu và sáng tạo trong mọi hoạt động. Các em rất tự giác, chủ động trong học tập. Không còn rụt rè và mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, nói to, rõ ràng, rành mạch, trong việc đánh giá, nhận xét bạn trong học tập và trong quá trình phát biểu xây dựng bài. Việc học nhóm đã phát huy được tích cực, hiệu quả. Khi làm bài học sinh không còn lúng túng để tìm cách giải, cách tóm tắt và tìm câu trả lời giải như trước. Đặc biệt là việc phân tích tìm hiểu đề được học sinh nắm thành thói quen, việc trình bày giải toán khoa học hơn và học sinh tóm tắt nhanh hơn khi dạy. Các em đã có thói quen đọc kĩ đề bài toán để xác định dạng toán, rồi tóm tắt đề, phân tích tìm các giải. Kết quả cho thấy rất khả thi một số em làm nhanh, kết quả đúng, trình bày sạch đẹp như em: Tiểu Yến, Việt Anh, Khánh Chi, Hữu Việt, Lê Phương, Phương Ngân, Minh Quân, Hà Phương...; một số em có thể đặt được nhiều lời giải khác nhau cho bài toán. Một số em trước đây còn nhút nhát, chưa biết giải toán có lời văn nên còn rụt rè, lúng túng, làm bài thường sai phép tính hoặc sai cả lời giải và phép tính như em Thế Thiện, Văn Phúc, Gia Long, Thanh Thế...Và giờ đây các em đã biết làm toán giải, các em rất thích học, tự tin hơn, không ngại học toán như trước.

Để kiểm tra lại chất lượng giải toán có lời văn ở học sinh của lớp 2D do tôi chủ nhiệm (tính đến hết tháng 2/2023), tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả như sau:

Sĩ số	Giải toán thành thạo	Giải toán chậm	Chưa biết cách giải
34 em	24 em = 70,59%	10 em = 29,41%	0 em = 0%



Hình ảnh minh họa kết quả làm bài về giải Toán có lời văn của một học sinh
tháng 10/2022 và tháng 2/2023

Qua kết quả trên ta thấy nếu giáo viên khéo léo trong việc sử dụng các biện pháp dạy học mới, kích thích được hứng thú học tập của học sinh. Tình trạng các em sai sót, chưa biết cách làm không còn. Các em giải toán, nhận biết dạng bài nhanh hơn. Học sinh sẽ chiếm lĩnh tri thức rất tốt, có hệ thống, có logic và ghi nhớ được lâu, phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác theo hướng mở. Và quan trọng là các em không còn e dè, ngại ngùng khi trình bày ý kiến, hứng thú, say mê học toán hơn. Đây cũng là dấu hiệu đáng mừng để các em tiếp tục phấn đấu trong các năm học tiếp theo.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Qua giải pháp này tôi thấy: Nếu giáo viên Tiểu học nắm vững bản chất toán học của các mạch kiến thức nói chung, của số học nói riêng; nắm được sự thể hiện các nội dung kiến thức đó trong sách giáo khoa thì chắc chắn việc dạy học sẽ tốt hơn. Vì vậy có hiểu đúng, chính xác kiến thức thì giáo viên mới truyền thụ cho học sinh kiến thức đúng được. Hơn nữa, bằng việc tìm hiểu cách sắp xếp nội dung dạy học trong sách giáo khoa, giáo viên sẽ thấy được mối liên hệ giữ các bài học, đồng thời trang bị cho học sinh những lượng kiến thức cần thiết để làm cơ sở học các bài tiếp theo.

Việc nắm được đặc điểm nhận thức của học sinh, các phương pháp dạy học sinh giải toán có lời văn định hướng đổi mới phương pháp dạy học sẽ giúp giáo viên lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học đúng, hiệu quả và phát huy được tính tích cực trong học tập của học sinh.

Mỗi giáo viên phải nắm vững nội dung chương trình, cấu trúc sách giáo khoa môn Toán ở lớp 2 để xác định được trong mỗi tiết học phải dạy cho học sinh cái gì, dạy như thế nào?

Dạy “Giải toán có lời văn” cho học sinh lớp 2 không thể nóng vội mà phải hết sức bình tĩnh, nhẹ nhàng, tỉ mỉ, nhưng cũng rất cương quyết để hình thành cho các em một phương pháp tư duy học tập đó là tư duy khoa học, tư duy sáng tạo, tư duy lô gíc. Rèn cho các em đức tính chịu khó cẩn thận trong “Giải toán có lời văn”.

Tóm lại, việc tìm hiểu nội dung, phương pháp dạy học toán nói chung, nội dung phương pháp dạy học sinh giải toán có lời văn nói riêng là rất cần thiết, là yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên Tiểu học.

2. Khuyến nghị:

Trong thời buổi công nghệ phát triển như hiện nay, giáo viên gặp không ít khó khăn, rắc rối. Để nâng cao chất lượng dạy học môn Toán lớp 2 nói chung và Tiểu học nói riêng, tôi mạnh dạn xin đề xuất các khuyến nghị sau :

2.1. Đối với giáo viên:

- Cần nắm chắc nội dung dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Giáo viên Tiểu học cần phấn đấu đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn để đáp ứng yêu cầu dạy học.
- Mỗi giáo viên phải có lòng say mê nghề nghiệp không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Trong quá trình dạy học sinh giải toán có lời văn, giáo viên cần chú ý đến việc hướng dẫn học sinh viết lời giải sao cho xuôi chiều, xúc tích.
- Giáo viên chú ý rèn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, luyện kỹ năng trình bày để tăng thêm vốn từ phục vụ cho việc viết lời giải cho hay.
- Phải theo sát các em qua từng tiết học để kịp thời nắm bắt và sửa chữa lỗi sai cho các em, tránh để sai sót dồn lâu, rất khó khắc phục.
- Người giáo viên cần tích cực đổi mới phương pháp phương pháp, kỹ thuật dạy học mới để áp dụng vào giảng dạy. Và không quên động viên, khích lệ, tạo hứng thú cho các em trong học tập.

2.2. Đối với tổ chuyên môn:

- Cần thường xuyên tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp, nghiên cứu bài học.
- Tạo cơ hội để giáo viên được trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp đặc biệt là các đồng nghiệp đi trước.

2.3. Đối với nhà trường và các cấp quản lý:

- Tổ chức tốt các đợt chuyên đề, hội thảo, giao lưu giáo viên giỏi.
- Tạo điều kiện cho giáo viên được đi học nâng chuẩn.
- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học, nhất là thiết bị dạy học để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.4. Đối với phụ huynh:

Cùng hợp tác với giáo viên trong việc giáo dục con em mình. Trang bị đầy đủ sách, vở và đồ dùng học tập cho học sinh.

Trên đây là “*Một số biện pháp dạy học giải Toán có lời văn cho học sinh lớp 2 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*” mà tôi đã rút ra được trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu và học tập nhằm giúp học sinh lớp 2 có kỹ năng giải toán có lời văn. Qua đó cũng giúp học sinh phát triển những phẩm chất, năng lực của mình thông qua các hoạt động học tập. Tuy nhiên, do điều kiện về không gian, thời gian cũng như kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế nên nội dung không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Rất mong nhận được sự đóng góp của các cấp lãnh đạo

để biện pháp của tôi thêm hoàn thiện hơn và được ứng dụng rộng rãi trong dạy học với mong muốn cùng chung tay với đồng nghiệp để học hỏi, tiếp thu và thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa Toán lớp 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống – NXB Giáo dục Việt Nam
2. Sách giáo viên môn Toán lớp 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống – NXB Giáo dục Việt Nam
3. Sách giáo khoa Toán lớp 1 – Kết nối tri thức với cuộc sống – NXB Giáo dục Việt Nam
4. Sách thiết kế bài giảng Toán lớp 2 – NXB Hà Nội.
5. Giáo trình phương pháp dạy học toán ở tiểu học (Dự án phát triển giáo viên tiểu học - NXB Đại học sư phạm & NXB Giáo dục.
6. Thực hành giải toán Tiểu học - Tác giả Trần Diên Hiển.
7. Giáo trình Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học – NXB Đại học sư phạm.

